TAND HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 68/2018/HNGĐ- ST
Ngày 20/7/2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị K với anh L.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hà Bắc;
2. Ông Nguyễn Xuân Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Thân Mạnh Thắng- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 110/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 03 năm 2018 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị K với anh L" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2018/QĐXX- ST ngày 04 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ dân phố C 1, xã thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ dân phố C 1, xã thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày: Ngày 27/01/2010, chị kết hôn với anh Nguyễn Văn L. Trước khi kết hôn anh chị có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N. Sau đám cưới chị về và anh L về chung sống cùng nhau ngay. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2012 thì nẩy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L không quan tâm tới vợ con, gia đình, ham chơi, không chịu làm ăn. Chị đã động viên khuyên giải nhiều lần nhưng anh L không thay đổi. Chị và anh Kiên sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế từ ngày 22/11/2012. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có con chung là Nguyễn Đức B, sinh ngày 07/02/2011đang ở với chị. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị K vắng mặt (có đơn xin vắng mặt)

Tại bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày: Năm 2010, anh kết hôn với chị Nguyễn Thị K trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N. Sau đám cưới, anh và chị K về chung sống cùng nhau ngay. Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau nẩy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Nay chị K xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh đồng ý để chị K nuôi con là Nguyễn Đức B, sinh ngày 07/02/2011.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn L vắng mặt (có đơn xin vắng mặt)

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị K được ly hôn anh L. Về con chung, giao cho chị K nuôi con. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn L, nhưng chị K, anh L đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K kết hôn với anh Nguyễn Văn L trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N số 02 ngày 08/01/2010, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nẩy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không thông cảm, chia sẻ với nhau những khó khăn trong cuộc sống. Chị K, anh L sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế đã lâu. Xét mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị K và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị K và anh L ly hôn.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị K, anh Nguyễn Văn L có con chung là Nguyễn Đức B, sinh ngày 07/02/2011. Ly hôn, chị K có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con, anh L đồng ý, cháu Nguyễn Đức B có nguyện vọng được ở với chị K, nên giao cho chị K nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị K nuôi con là Nguyễn Đức B, sinh ngày 07/02/2011. Anh L có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị K đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003069 ngày 23 tháng 3 năm 2018, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bắc Giang.

4. Về kháng cáo: Báo cho các đương sự vắng mặt biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND cùng cấp;*
- *Chi cục THADS cùng cấp;*
- *Ủy ban nhân TT N;*
- *Lưu hồ sơ, v/p.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huân

TAND HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số 68/2018/HNGĐ- ST
Ngày 20/7/2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị K với anh L.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hà Bắc;
2. Ông Nguyễn Xuân Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Thân Mạnh Thắng- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 110/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 03 năm 2018 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị K với anh L" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2018/QĐXX- ST ngày 04 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ dân phố C 1, xã thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ dân phố C 1, xã thị trấn N , huyện N, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày: Ngày 27/01/2010, chị kết hôn với anh Nguyễn Văn L. Trước khi kết hôn anh chị có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N. Sau đám cưới chị về và anh L về chung sống cùng nhau ngay. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2012 thì nẩy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L không quan tâm tới vợ con, gia đình, ham chơi, không chịu làm ăn. Chị đã động viên khuyên giải nhiều lần nhưng anh L không thay đổi. Chị và anh Kiên sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế từ ngày 22/11/2012. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có con chung là Nguyễn Đức B, sinh ngày 07/02/2011đang ở với chị. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị K vắng mặt (có đơn xin vắng mặt)

Tại bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày: Năm 2010, anh kết hôn với chị Nguyễn Thị K trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N. Sau đám cưới, anh và chị K về chung sống cùng nhau ngay. Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau nẩy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Nay chị K xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh đồng ý để chị K nuôi con là Nguyễn Đức B, sinh ngày 07/02/2011.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn L vắng mặt (có đơn xin vắng mặt)

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị K được ly hôn anh L. Về con chung, giao cho chị K nuôi con. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn L, nhưng chị K, anh L đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K kết hôn với anh Nguyễn Văn L trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N số 02 ngày 08/01/2010, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nẩy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không thông cảm, chia sẻ với nhau những khó khăn trong cuộc sống. Chị K, anh L sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế đã lâu. Xét mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị K và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị K và anh L ly hôn.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị K, anh Nguyễn Văn L có con chung là Nguyễn Đức B, sinh ngày 07/02/2011. Ly hôn, chị K có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con, anh L đồng ý, cháu Nguyễn Đức B có nguyện vọng được ở với chị K, nên giao cho chị K nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị K nuôi con là Nguyễn Đức B, sinh ngày 07/02/2011. Anh L có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị K đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003069 ngày 23 tháng 3 năm 2018, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bắc Giang.

4. Về kháng cáo: Báo cho các đương sự vắng mặt biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.